Ký bởi TRUNG TÂM THÔNG TIN - CÔNG BÁO
VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ
Cổng số 1A

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở, ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ, ĐẤT CƠ SỞ SẢN XUẤT PHI NÔNG NGHIỆP THUỘC ĐỊA BÀN XÃ NGUYỆT ĐỨC

(Kèm theo Nghị quyết số: 85 /NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ)

ĐVT: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN			Điểm đầu		Điểm cuối	
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	Số thửa	Số tờ	Số thửa	Số tờ
1	Đất 2 bên đê Trung ương thuộc xã Nguyệt Đức			6.100	3.100	2.400	4.300	2.200	1.700	3.100	1.600	1.200	22	24	362	24
2	Đất 2 bên đường đoạn từ Cầu Trắng đến giáp Trường THPT Phạm Công Bình và tuyến đường từ Cầu Trắng đi Can Bi thuộc xã Nguyệt Đức			9.000	4.500	3.600	6.300	3.200	2.500	4.500	2.300	1.800	10	8	572	18
3	Đất 2 bên đường đoạn từ đê TW đi Trung Kiên(cũ) thuộc xã Nguyệt Đức			6.100	3.100	2.400	4.300	2.200	1.700	3.100	1.600	1.200	366	30	449	40
4	Đất 2 bên đường đoạn từ giáp ngã ba Ngân hàng liên xã qua thôn Xuân Đài đến giáp đất xã Văn Tiến(cũ)			5.200	2.600	2.100	3.600	2.000	1.500	2.600	1.600	1.100	447	24	440	19
5	Đất 2 bên đường đoạn từ Trường THPT Phạm Công Bình đến giáp đê TW			10.800	5.400	4.300	7.600	3.800	3.000	5.400	2.700	2.200	27	24	22	24
6	Đất 2 bên đường tỉnh lộ 303 thuộc xã Nguyệt Đức			9.000	4.500	3.600	6.300	3.200	2.500	4.500	2.300	1.800	10	8	161	8
7	Đất 2 bên đường trục thôn, liên thôn, liên xã thuộc địa phận xã Nguyệt Đức			2.700	1.400	1.300	1.900	1.100	970	1.400	1.000	800	Toàn xã		Toàn xã	
8	Đất 2 bên đường từ Đình Xá Nguyệt Đức đi Yên Thư xã Yên Phương thuộc xã Nguyệt Đức			2.300	1.300	1.200	1.600	1.100	950	1.200	800	700	891	12	140	17
9	Đất 2 bên đường từ TL 303 trại cá Minh Tân đến Phương Trù xã Yên Phương thuộc xã Nguyệt Đức			3.000	1.500	1.200	2.100	1.200	1.000	1.500	950	700				
10	Khu Đất dịch vụ Lòng Ngòi thôn Hội trung (Không bao gồm các thửa đất tiếp giáp đường có tên)			6.500			4.600			3.300			385	31	387	31
11	Khu đất dịch vụ Đồng Rút kho thôn Gia Phúc (Không bao gồm các thửa đất tiếp giáp đường có tên)			5.800			4.100			2.900			710	18	792	18
12	Khu đất dịch vụ tại chợ Lồ cũ (Không bao gồm các thửa đất tiếp giáp đường có tên)			1.200			850			650			524	24	556	24
13	Khu đấu giá làng chăn nuôi cũ, làng Đình Xá, xã Nguyệt Đức			8.700			6.100			4.400			823	24	971	24
14	Đất 2 bên đường đê bối thuộc xã Nguyệt Đức (xã Trung Hà cũ)			6.300	3.200	2.500	4.400	2.200	1.800	3.200	1.600	1.300				
15	Đất 2 bên đường trục thôn, liên thôn, liên xã thuộc địa phận xã Trung Hà			1.600	800	600	1.100	600	500	800	500	400				
16	Đất 2 bên đường đê bối thuộc xã Trung Kiên (cũ)			6.200	3.100	2.500	4.300	2.200	1.800	3.100	1.600	1.300	217	25	57	21
17	Đất 2 bên đường đoạn từ giáp thôn Nghinh Tiên qua cổng UBND xã Trung Kiên(cũ) đến Ghềnh Đá			7.000	3.500	2.800	4.900	2.500	2.000	3.500	1.800	1.400	6	3	35	23
18	Đất 2 bên đường thuộc xã Trung Kiên(cũ) từ đê TW (dốc Lũng Hạ) đến đê bối			6.100	3.100	2.400	4.300	2.200	1.700	3.100	1.600	1.200	195	11	60	20
19	Đất 2 bên đường trục thôn, liên thôn, liên xã thuộc địa phận xã Trung Kiên			1.700	900	700	1.200	600	500	900	500	400				
20	Khu đất đấu giá tại khu vực Sau Trại, thôn Miêu Cốc	Khu đất đấu giá tại khu vực Sau Trại, thôn Miêu Cốc. Các ô đất có mặt tiền nhìn ra đường đoạn từ giáp thôn Nghinh Tiên qua cổng UBND xã Trung Kiên(cũ) đến Ghềnh Đá		7.000			4.900			3.500						
		Khu đất đấu giá tại khu vực Sau Trại, thôn Miêu Cốc. Các ô đất có mặt tiền nhìn ra đường bê tông trong khu quy hoạch		2.200			1.600			1.200						
21	Đất 2 bên đường đoạn từ Cầu Trắng đi Can Bi thuộc địa phận xã Văn Tiến(cũ)			4.900	2.500	2.000	3.400	2.000	1.400	2.500	1.600	1.000	449	12	216	20
22	Đất 2 bên đường đoạn từ Văn Tiến(cũ) đi thôn Xuân Đài			3.100	1.600	1.200	2.200	1.300	800	1.600	1.000	600	26	19	309	19
23	Đất 2 bên đường trục thôn, liên thôn, liên xã thuộc địa phận xã Văn Tiến (cũ)			1.800	1.000	900	1.300	800	720	900	700	600				
24	Khu đấu giá Bãi Giam, Khoát đá	Khu đấu giá Bãi Giam, Khoát đá		2.900			2.200			1.500			401	25	199	25
25	Khu đất đấu giá QSD tại khu vực ngọn Bãi, thôn Lưỡng 2, xã Trung Kiên			7.000			4.900			3.500						
26	Khu đất đấu giá QSD đất tại khu vực đồng Cầu Khuyển, thôn Phúc Cầm, xã Nguyệt Đức			5.000			3.800			2.500						
27	Khu đấu giá, dịch vụ xứ Đồng Khoát	Khu đấu giá, dịch vụ xứ Đồng Khoát		2.900			2.300			1.700			514	19	590	19